

THÔNG BÁO

V/v: Thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa

Căn cứ:

- Biên bản họp của Hội Đồng Quản Lý Rủi Ro vào ngày 08/05/2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng xin trân trọng thông báo đến Quý khách hàng về việc thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa hiện tại như sau:

1. Thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa:

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSĐB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
1	AAA	CTCP Nhựa An Phát Xanh	6,890	9,160	HOSE
2	ACL	CTCP XNK Thủy sản Cửu Long An Giang	9,000	12,830	HOSE
3	ADS	CTCP Damsan	7,570	9,100	HOSE
4	ANV	CTCP Nam Việt	13,300	19,180	HOSE
5	ASM	CTCP Tập đoàn Sao Mai	6,330	8,870	HOSE
6	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	42,000	63,700	HOSE
7	CCL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô thị Dầu Khí Cửu Long	6,110	7,540	HOSE
8	CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	11,250	16,770	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
9	CMG	CTCP tập đoàn công nghệ CMC	31,000	39,600	HOSE
10	CRC	CTCP Create Capital Việt Nam	8,400	10,340	HOSE
11	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	30,650	43,700	HOSE
12	CTD	CTCP Xây dựng Coteccons	69,100	101,270	HOSE
13	DBC	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam	23,600	35,810	HOSE
14	DC4	CTCP Xây dựng DIC Holdings	11,550	16,320	HOSE
15	DCM	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	26,600	44,460	HOSE
16	DGW	CTCP Thế giới số	30,900	42,830	HOSE
17	DIG	Tổng CTCP Đầu tư phát triển xây dựng	16,050	20,340	HOSE
18	DL1	CTCP Tập đoàn Alpha Seven	5,600	6,600	HNX
19	DTA	CTCP Đệ Tam	4,360	5,250	HOSE
20	DTD	CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt	15,200	18,820	HNX
21	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	5,710	8,450	HOSE
22	FMC	CTCP Thực phẩm Sao Ta	37,950	48,490	HOSE
23	GDW	CTCP Cấp nước Gia Định	34,700	39,300	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
24	GEE	CTCP Điện lực Gelex	57,000	76,700	HOSE
25	GEG	CTCP Điện Gia Lai	15,010	18,200	HOSE
26	GMD	CTCP Gemadept	45,350	67,600	HOSE
27	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	64,740	86,450	HOSE
28	HDC	CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	22,500	28,300	HOSE
29	HDG	CTCP Tập đoàn Hà Đô	21,150	28,600	HOSE
30	HQC	CTCP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	2,730	3,940	HOSE
31	HRC	CTCP Cao su Hòa Bình	32,150	33,100	HOSE
32	HTG	Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ	38,350	50,760	HOSE
33	IDC	Tổng công ty IDICO - CTCP	38,100	44,200	HNX
34	KHS	CTCP Kiên Hùng	16,700	23,700	HNX
35	KSB	CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	15,000	19,680	HOSE
36	KSF	CTCP Tập đoàn Sunshine	91,000	80,000	HNX
37	LHG	CTCP Long Hậu	27,850	36,010	HOSE
38	MSH	CTCP May Sông Hồng	47,250	60,250	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
39	NFC	CTCP Phân lân Ninh Bình	28,100	52,800	HNX
40	NHA	Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội	20,650	27,430	HOSE
41	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	27,850	36,300	HOSE
42	NTL	CTCP Phát triển Đô thị Từ Liêm	13,200	18,220	HOSE
43	PAN	CTCP Tập đoàn PAN	21,900	30,680	HOSE
44	PET	Tổng CTCP Dịch vụ tổng hợp Dầu khí	17,950	24,600	HOSE
45	PIC	CTCP Đầu tư Điện lực 3	21,900	27,300	HNX
46	PVD	Tổng Công ty CP khoan và dịch vụ khoan dầu khí	17,900	22,500	HOSE
47	SAM	CTCP SAM Holdings	6,000	7,680	HOSE
48	SCR	CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	5,450	6,000	HOSE
49	SCS	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	55,800	77,870	HOSE
50	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	12,710	14,000	HOSE
51	SVT	CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	11,450	16,250	HOSE
52	TCM	CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	29,850	38,800	HOSE
53	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	57,720	71,760	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
54	TFC	CTCP Trang	74,620	86,375	HNX
55	THG	CTCP đầu tư và xây dựng Tiền Giang	50,800	68,900	HOSE
56	TLG	CTCP tập đoàn Thiên Long	46,050	63,180	HOSE
57	TNG	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	16,200	19,540	HNX
58	TRC	CTCP Cao su Tây Ninh	63,500	81,700	HOSE
59	VC7	CTCP Tập đoàn BGI	7,500	10,400	HNX
60	VGC	Tổng Công ty Viglacera – CTCP	39,400	51,900	HOSE
61	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	50,700	64,800	HOSE
62	VOS	CTCP Vận tải Biển Việt Nam	12,050	14,780	HOSE
63	VRE	CTCP Vincom Retail	24,760	32,370	HOSE
64	VSC	CTCP Container Việt Nam	22,880	30,420	HOSE
65	VTO	CTCP Vận tải Xăng dầu Vitaco	11,550	16,180	HOSE
66	VTP	Tổng CTCP Bưu chính Viettel	108,200	119,800	HOSE
67	YEG	CTCP Tập đoàn Yeah1	11,150	13,510	HOSE

2. Thời gian áp dụng

- Từ ngày 09/05/2025: Áp dụng giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa mới

Trân trọng.